TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN NGỌC HIỂN** **TỈNH CÀ MAU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 04/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 27-02-2020
"V/v tranh chấp ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NGỌC HIỂN, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên tòa: Ông Trần Hoàng Tuấn.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Thanh Trung.

2. Ông Phạm Văn Tuấn.

- Thư ký phiên tòa: Bà Cao Thị Dung là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Ngọc Hiển, tỉnh Cà Mau.

Ngày 27 tháng 02 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Ngọc Hiển, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 293/2019/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 12 năm 2019 về việc: "Tranh chấp ly hôn", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 04/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 07 tháng 02 năm 2020, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Trương Văn T, sinh năm 1962. (có mặt)

Cư trú tại: Ấp Ông Bọng, xã Viên An, huyện Ngọc Hiển, tỉnh Cà Mau.

2. Bị đơn: Bà Nguyễn Kim H, sinh năm 1964. (xin vắng mặt)

Cư trú tại: Ấp Ông Bọng, xã Viên An, huyện Ngọc Hiển, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn khởi kiện, nguyên đơn ông Trương Văn T trình bày:*

- Về hôn nhân: Vào năm 1988 ông T, bà H tìm hiểu và đi đến hôn nhân, có tổ chức đám cưới theo phong tục địa phương, đăng ký kết hôn tại UBND xã Hiệp Thành – thị xã Bạc Liêu – tỉnh Minh Hải (nay là phường Hiệp Thành – thành phố Bạc Liêu – tỉnh Bạc Liêu) vào ngày 16 tháng 01 năm 1988.

Trong quá trình sinh sống vợ chồng thường cự cãi với nhau, bất đồng quan điểm trong cuộc sống, không thể hàn gắn quan hệ hôn nhân, đã ly thân hơn 10 năm nay. Nay tình cảm vợ chồng không còn, nên ông T yêu cầu được ly hôn với bà Nguyễn Kim H.

- Về con chung: Có 02 người, đã trưởng thành nên không yêu cầu giải quyết.

- Về tài sản và công nợ: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Tại đơn xin vắng mặt, bị đơn bà Nguyễn Kim H trình bày:*

- Về hôn nhân: Vào năm 1988 bà H, ông T tìm hiểu và đi đến hôn nhân, có tổ chức đám cưới theo phong tục địa phương, đăng ký kết hôn tại UBND xã Hiệp Thành – thị xã Bạc Liêu – tỉnh Minh Hải (nay là phường Hiệp Thành – thành phố Bạc Liêu – tỉnh Bạc Liêu) vào ngày 16 tháng 01 năm 1988.

Trong quá trình sinh sống vợ chồng thường cự cãi với nhau, bất đồng quan điểm trong cuộc sống, ông T có quan hệ với người phụ nữ khác ở ngoài. Nay tình cảm vợ chồng không còn, nên bà H đồng ý ly hôn với ông Trương Văn T.

- Về con chung: Có 02 người, đã trưởng thành nên không yêu cầu giải quyết.

- Về tài sản và công nợ: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Tại phiên tòa:*

- Ông Trương Văn T trình bày yêu cầu: Ông T yêu cầu ly hôn với bà H; Về con chung, tài sản và công nợ không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Bà Nguyễn Kim H xin vắng mặt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bà Nguyễn Kim H có đơn xin vắng mặt xét xử; Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự xét xử vắng mặt đối với bà Nguyễn Kim H.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về hôn nhân: Vào năm 1988 ông T và bà H tìm hiểu và tiến đến hôn nhân, đăng ký kết hôn tại UBND xã Hiệp Thành – thị xã Bạc Liêu – tỉnh Minh Hải (nay là phường Hiệp Thành – thành phố Bạc Liêu – tỉnh Bạc Liêu) vào ngày 16 tháng 01 năm 1988, nên quan hệ hôn nhân là hợp pháp.

Theo lời trình bày của ông T, thì vợ chồng chung sống không hợp tính nhau dẫn đến mâu thuẫn và bất đồng quan điểm trong cuộc sống. Bà H xác định trong thời gian gần đây ông T có quan hệ bất chính với người phụ nữ khác bên ngoài, vợ chồng không còn tình cảm với nhau, nên bà H đồng ý ly hôn với ông T. Qua đó, xét thấy tình trạng hôn nhân giữa ông T và bà H đã đến mức trầm trọng không thể kéo dài, nên Hội đồng xét xử quyết định chấp nhận yêu cầu ly hôn giữa ông Trương Văn T và bà Nguyễn Kim H.

[2.2] Về con chung: Đã trưởng thành, nên không đặt ra xem xét.

[2.3] Về tài sản và công nợ: Đương sự không đặt ra yêu cầu, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.4] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Áp dụng khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng Dân sự, điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc

hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Buộc ông Trương Văn T phải chịu án phí với số tiền là 300.000 đồng, được trừ phần tạm ứng án phí đã nộp.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

- Khoản 1 Điều 53, khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình;

- Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông Trương Văn T đối với bà Nguyễn Kim H.

2. Về con chung: Đã trưởng thành, nên không đặt ra xem xét.

3. Về tài sản và công nợ: Đương sự không yêu cầu, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Buộc ông Trương Văn T phải chịu án phí với số tiền là 300.000 đồng, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng đã nộp theo biên lai thu tiền số 0005982 ngày 06 tháng 12 năm 2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Ngọc Hiển, án phí sơ thẩm ông T đã nộp xong.

5. Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, vắng mặt thì thời hạn kháng cáo kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

***Nơi nhận*:**
- Các đương sự;
- VKSND huyện Ngọc Hiển;
- Chi cục THADS huyện Ngọc Hiển;
- Tòa án tỉnh Cà Mau;
- UBND phường Hiệp Thành, TP Bạc Liêu;
- Lưu hồ sơ vụ án, VP.

(đã ký)

Trần Hoàng Tuấn